

1. KHÁI QUÁT VỀ BÀI THI CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH ĐHQG-HCM

1.1. Mô tả bài thi Chứng chỉ tiếng Anh ĐHQG-HCM

Bài thi Chứng chỉ tiếng Anh ĐHQG-HCM là một bài thi bốn kỹ năng đánh giá trình độ tiếng Anh tổng quát (14 cấp độ) với tên gọi tiếng Anh là Vietnam National University - HCM English Proficiency Test (viết tắt là VNU-EPT Test).

Bài thi có hai hình thức: Bài thi trên giấy và bài thi trên máy.

Bài thi gồm 4 nội dung: Phần thi Nghe hiểu, Phần thi Đọc hiểu, Phần thi Viết, và Phần thi Nói. Phần thi Nghe hiểu và Đọc hiểu theo dạng thức trắc nghiệm bốn lựa chọn, phần thi Viết theo dạng thức tự luận, và phần thi Nói theo dạng thức trình bày không kèm theo phần hỏi-đáp với giám khảo.

Bài thi trên giấy được đóng thành cuốn riêng biệt, gọi là đề thi. Thí sinh không được làm bài trực tiếp trên đề thi. Phần làm bài của thí sinh được thực hiện trên phiếu trả lời được phát riêng biệt. Mọi đánh dấu và câu trả lời trên đề thi đều không được tính điểm. Đề thi và phiếu trả lời sẽ được giám thị thu lại sau khi bài thi kết thúc.

Bài thi trên máy được cài đặt riêng cho từng buổi thi. Thí sinh lần lượt trả lời các câu hỏi và không quay trở về các phần trước đó. Phần thi Nói của thí sinh sẽ được thu âm lại.

Bài thi VNU-EPT được sử dụng để đánh giá chất lượng tiếng Anh đầu vào và đầu ra cho các chương trình đào tạo Đại học và Sau Đại học của ĐHQG-HCM. Bài thi cũng có thể được sử dụng để công nhận năng lực tiếng Anh cho các mục đích khác theo quy định của ĐHQG-HCM và đánh giá ngoài theo yêu cầu.

Lệ phí thi: 500.000đ/kỳ thi (lệ phí thi có thể thay đổi theo lộ trình được báo trước).

1.2. Cấu trúc và nội dung bài thi

PHẦN THI	NỘI DUNG & DẠNG CÂU HỎI	THỜI GIAN
Nghe hiểu	Phần 1 : 10 bài đối thoại ngắn (sơ cấp) Phần 2 : 1 bài hội thoại/thảo luận dạng điền khuyết (sơ trung cấp) Phần 3 : 1 bài hội thoại/thảo luận hỏi-đáp (trung cấp) Phần 4 : 1 bài nói chuyện/thuyết trình tóm tắt dạng điền khuyết (cao trung cấp - cao cấp) <i>(32 câu hỏi trắc nghiệm 4 lựa chọn với tổng điểm 100)</i>	40 – 45 phút <i>(Nghe 2 lần)</i>
Đọc hiểu	Phần 1 : 1 bài đọc kiểm tra ngữ pháp và từ vựng dạng điền khuyết (sơ trung cấp-trung cấp) Phần 2 : 1 bài đọc hiểu dạng hỏi-đáp (sơ trung cấp) Phần 3 : 1 bài đọc hiểu dạng hỏi-đáp (trung cấp) Phần 4 : 1 bài đọc hiểu dạng điền khuyết và hỏi-đáp (cao trung cấp-cao cấp) <i>(40 câu hỏi trắc nghiệm 4 lựa chọn với tổng điểm 100)</i>	60 phút
Viết	Phần 1 : Đoạn văn tóm tắt (100-150 từ) Phần 2 : Bài tiểu luận (300 từ) <i>(Tổng cộng tối thiểu 400 từ với tổng điểm 100)</i>	60 phút
Nói	Phần 1 : Mô tả tranh ảnh, bảng biểu, v.v. (sơ cấp) Phần 2 : Mô tả kinh nghiệm, sở thích cá nhân. (sơ trung cấp - trung cấp) Phần 3 : Trình bày quan điểm (cao trung cấp - cao cấp) <i>(Tổng thời gian thực nói 5 phút với tổng điểm 100)</i>	10 - 12 phút

1.3. Các thể loại câu hỏi và yêu cầu đối với câu trả lời

PHẦN THI	THỂ LOẠI CÂU HỎI & YÊU CẦU
Nghe hiểu	<ol style="list-style-type: none"> 1. Câu hỏi ý chính (main idea) 2. Câu hỏi chi tiết (repeated detail and paraphrased detail) 3. Câu hỏi suy luận (inference)
Đọc hiểu	<ol style="list-style-type: none"> 1. Câu hỏi kiểm tra ngữ pháp 2. Câu hỏi từ vựng (vocabulary) 3. Câu hỏi ý chính (main idea) 4. Câu hỏi chi tiết (detail) 5. Câu hỏi chỉ định (referent) 6. Câu hỏi diễn đạt lại (paraphrase) 7. Câu hỏi mục đích (purpose) 8. Câu hỏi suy luận (inference) 9. Câu hỏi tổng hợp/chuyển đổi thông tin (table, graph, v.v.)
Viết	<p><u>Phần 1:</u> Đoạn văn tóm tắt (100-150 từ) Đoạn văn hoàn chỉnh với 1 câu chủ đề (topic sentence) và 3-4 ý chính (key points). Các ý chính được liên kết chặt chẽ bằng các từ nối (connectives). Các ý được diễn đạt lại bằng ngôn ngữ của người viết, không sao chép nguyên văn.</p> <p><u>Phần 2:</u> Bài tiểu luận (300 từ) Bài luận hoàn chỉnh với một câu luận đề (thesis statement), 2-3 câu luận điểm (topic sentences), được triển khai bằng các luận chứng (reasons) và minh họa bằng các luận cứ (examples).</p>
Nói	<p><u>Phần 1:</u> Mô tả tranh ảnh, mind map và bảng biểu. (1 phút) Bài mô tả có câu chủ đề, tối thiểu nêu 3 ý, các câu được liên kết bằng từ nối phù hợp.</p> <p><u>Phần 2:</u> Mô tả kinh nghiệm, sở thích cá nhân. (1 phút) Bài mô tả với câu chủ đề khái quát về kinh nghiệm, sở thích cá nhân, được triển khai với 3 lý do (reasons) kèm theo ví dụ minh họa (examples).</p> <p><u>Phần 3:</u> Trình bày quan điểm về các danh ngôn, ý kiến trước công chúng và thực trạng xã hội. (3 phút) Bài trình bày quan điểm tương tự như bài luận với một câu luận đề (thesis statement), 2-3 câu luận điểm (topic sentences), được triển khai bằng các luận chứng (reasons) và minh họa bằng các luận cứ (examples).</p>

Thí sinh tham khảo đề thi mẫu để có đầy đủ thông tin về bài thi.

1.4. Các chủ điểm ngữ pháp, từ vựng

1.4.1. Ngữ pháp

1. Subject-verb agreement
2. Tenses
3. Articles
4. Possessives
5. Pronouns
6. Adjectives & Adverbs
7. Prepositions (time, place, manner, etc)
8. Verbs and complements (verbs followed by infinitives, gerunds, prepositions, etc)
9. Quantifiers
10. Modal auxiliaries (advice, obligation, certainty, etc)
11. Conditional sentences
12. Passive voice
13. Relative pronouns
14. Reported speech
15. Comparisons (similarities, comparatives, superlatives)

1.4.2. Từ vựng

1. Hobbies and interests
2. People
3. Places
4. Relationships
5. Food and drink
6. Entertainment
7. Jobs
8. Culture
9. Health
10. Media
11. Sports
12. Business
13. Education
14. Law and crime
15. Science and echnology